TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/DS-ST
Ngày: 20/9/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Văn Bé.

- Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2021/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng góp hụi; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2022/QĐST- DS, ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

Chị Sơn Thị T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô T, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Bà Kim Thị ST, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô T, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị ST:* Chị Sơn Thị T, sinh năm sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn*:

Chị Thạch Thị Kim L, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Anh Sơn Sa M, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Sơn Thị SV, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp Ô T, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị ST và chị Sơn Thị T, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị Sơn Thị T trình bày:

Bà Thạch Thị Sa N có làm đầu thảo nhiều dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng/phần và 2.000.000 đồng/phần, nữa tháng khui 01 lần. Việc chơi hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng bằng văn bản, đầu thảo có giao danh sách hụi cho từng viên để theo dõi, đối chiếu định kỳ khi khui hụi. Theo thỏa thuận, hình thức lĩnh hụi là thành viên trong dây hụi bỏ thăm cao nhất thì hốt. Đầu thảo có trách nhiệm gom tiền của hụi viên đóng và giao tiền cho hụi viên được hốt hụi; được hưởng huê hồng 300.000 đồng/lần khui hụi đối với hụi 1.000.000 đồng/phần và 600.000 đồng/lần khui hụi đối với hụi 2.000.000 đồng/phần; trường hợp hụi viên không đóng hụi thì đầu thảo phải choàng hụi. Trong đó, chị tham gia 03 dây hụi 2.000.000 đồng/phần mở ngày 20/11/2019, 06 dây hụi 2.000.000 đồng/phần mở ngày 20/10/2019 và 01 dây hụi 1.000.000 đồng/phần mở ngày 20/10/2019; bà Sa Thi 02 dây hụi 2.000.000 đồng/phần mở ngày 20/11/2019, 02 dây hụi 2.000.000 đồng/phần mở ngày 20/10/2019.

Trong các dây hụi nêu trên, chị đã đóng hụi sống được 82.230.000 đồng và bà Thi đã đóng hụi sống được 33.450.000 đồng.

Nay chị yêu cầu vợ chồng chị Thạch Thị Kim L và anh Sơn SM trả cho chị số tiền hụi sống mà chị và bà Kim Thị ST đã đóng trong các dây hụi nêu trên, chị yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 19/5/2020 đến nay tính tròn 28 tháng.

Bị đơn chị Thạch Thị Kim L vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2022, chị L trình bày:

Chị thừa nhận có tổ chức làm đầu thảo các dây hụi nêu trên, có chị T và bà ST tham gia chơi hụi, đóng hụi sống như chị T trình bày. Do giữa chị với chị T và bà ST đã thỏa thuận cấn trừ nợ hụi với bà SV nên giữa chị với chị T và bà ST không còn nợ hụi gì với nhau. Nay chị không đồng ý trả cho chị T và bà ST số tiền nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sơn Thị SV vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2022, chị Sa Vên trình bày: Chị có làm đầu thảo hụi có chị L tham gia nhiều dây hụi. Do chị có thiếu nợ hụi chị L, chị L có thiếu nợ hụi chị T và bà ST nên dự định cấn trừ nợ với nhau nhưng không thỏa thuận được. Do đó, giữa chị với chị L tự thương lượng, giải quyết với nhau, nếu không thỏa thuận được thì giải quyết trong vụ án khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực

hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Chị L có lời khai thừa nhận có nợ hụi chị T và bà ST nhưng chị cho rằng cấn trừ nợ với bà SV xong, hiện không còn nợ gì với nhau. Tuy nhiên bà SV có lời khai xác nhận việc cấn trừ nợ mới thỏa thuận nhưng chưa hoàn thành, do đó chị L yêu cầu cấn trừ là không có căn cứ, chị T và bà ST khởi kiện là có cơ sở.

Đối với anh SM có tên trong dây hụi, không phản đối gì khi Tòa án thông báo nên buộc anh SM cùng có trách nhiệm trả nợ với chị L.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Buộc chị Thạch Thị Kim L và anh Sơn SM có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ hụi sống bằng 82.230.000 đồng; trả cho bà Kim Thị ST số tiền nợ hụi sống bằng 33.450.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/tháng, tính tròn 28 tháng như chị T và bà ST yêu cầu.

Buộc chị Thạch Thị Kim L và anh Sơn SM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị Kim L và anh Sơn SM và bà Sơn Thị SV vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Kim Thị ST và chị Sơn Thị T khởi kiện, cho rằng bà chị Thạch Thị Kim L và anh Sơn SM có làm đầu thảo hụi, chị T có tham gia 03 dây hụi 2.000.000 đồng/phần mở ngày 20/11/2019, 06 dây hụi 2.000.000 đồng/phần mở ngày 20/10/2019 và 01 dây hụi 1.000.000 đồng/phần mở ngày 20/10/2019; bà ST có tham gia 02 dây hụi 2.000.000 đồng/phần mở ngày 20/11/2019 và 02 dây hụi 2.000.000 đồng/phần mở ngày 20/10/2019, nữa tháng khui một lần. Cụ thể, chị T đã đóng hụi sống các dây hụi trên bằng 82.230.000 đồng; bà ST đã đóng hụi sống các dây hụi trên bằng 33.450.000 thì chị L tuyên bố vỡ hụi. Nay chị T yêu cầu chị L và anh SM trả cho chị và bà ST số tiền hụi sống đã đóng và yêu cầu trả lãi với mức 10%/năm, từ ngày 19/5/2020 đến nay tính tròn 28 tháng.

Trong quá trình tham gia tố tụng, chị L thừa nhận có có làm đầu thảo hụi, thừa nhận việc chị T và bà ST có tham gia chơi hụi, đóng hụi như chị T trình bày;

nhưng chị cho rằng chị SV có nợ hụi chị nên giữa chị, chị SV, chị T với bà ST có thỏa thuận cấn trừ nợ xong, hiện chị không còn nợ gì chị T và bà ST.

Xét thấy, Việc chị L thừa nhận có tổ chức hụi, có chị T và bà T tham gia, có đóng hụi như chị T trình bày nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, chị L không đồng ý trả nợ, chị cho rằng giữa chị với chị T, bà ST và chị SV cấn trừ nợ với nhau. Trong quá trình tham gia tố tụng, chị T và bà ST không thừa nhận có việc cấn trừ nợ và căn cứ vào lời khai của bà SV thì thể hiện có sự thỏa thuận bằng lời nói sự việc ấn trừ nợ nhưng chưa thống nhất với nhau. Do đó, việc thỏa thuận cấn trừ nợ chưa hoàn thành nên chị L không đồng ý trả nợ cho chị T và bà ST là không có căn cứ chấp nhận.

Do khi tổ chức hụi thì vợ chồng chị L và anh SM tổ chức, anh SM có tên trong dây hụi; ngoài ra khi Tòa án thông báo đến nay anh không phản đối nên buộc anh SM cùng trả nợ với chị L.

Từ những phân tích trên xét thấy chị T và bà ST khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Buộc chị L và anh SM phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị T và bà ST không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị T và bà Kim Thị ST.

Buộc chị L và anh SM có nghĩa vụ trả cho chị Sơn Thị T số tiền nợ hụi sống bằng 82.230.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/9/2022 bằng 19.187.000 đồng.

Buộc chị L và anh M có nghĩa vụ trả cho bà Kim Thị ST số tiền nợ hụi sống bằng 33.450.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/9/2022 bằng 7.805.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc chị Thạch Thị Kim L và anh Sơn SM phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 7.133.600 đồng.

Chị Sơn Thị T và bà Kim Thị ST không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Tiên Nghiệm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.